TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **410**/2022/HNGĐ-ST Ngày: 05-4-2022 V/v tranh chấp ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thủy Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Đắc My Trân.

2. Ông Phạm Văn Hễ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Không tham gia.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1037/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Triệu Lê Trọng K, sinh năm 1986.

Địa chỉ: 280/70/19 Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 11027 X, Y, TX 75035, USA.

Các đương sự đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/10/2021 và những lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Triệu Lê Trọng K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 104/2012, quyển số 01/2012 ngày 29/10/2012. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn về quan điểm lối sống và cách nuôi dạy con cái. Hiện nay, bà T đang sinh sống và làm việc tại Hoa Kỳ. Từ khi sang Hoa Kỳ cho đến nay, do tính chất công việc nên giữa ông và bà T ít liên lạc để giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do không có điều kiện gặp nhau để hàn gắn tình cảm nên tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không giải quyết

được, khả năng đoàn tụ lại không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị Thanh T có 01 con chung là trẻ Triệu Nguyễn Đan U, sinh ngày 09/6/2014, giới tính: Nữ. Ông đồng ý giao con chung cho bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ U và ông cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000 đồng/tháng đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bận việc, ông yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Theo bản tự khai đã được xác nhận của Tổng lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Houston, Hoa Kỳ, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Bà T xác nhận lời trình bày của ông K về thời điểm kết hôn, về mâu thuẫn chung của vợ chồng là đúng. Nay, ông K yêu cầu được ly hôn, bà T đồng ý.

Về con chung: Bà và ông Triệu Lê Trọng K có 01 con chung là trẻ Triệu Nguyễn Đan U, sinh ngày 09/6/2014, giới tính: Nữ. Bà đồng ý là người là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ U, và bà đồng ý ông K cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000 đồng/tháng đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bận việc, bà yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy ông Triệu Lê Trọng K và bà Nguyễn Thị Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy căn cứ vào Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đây là hôn nhân hợp pháp, khi một trong các bên có yêu cầu ly hôn, Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn hiện cư trú tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn và bị đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của ông Triệu Lê Trọng K được ly hôn bà Nguyễn Thị Thanh T, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của ông K và bà T, thì thực tế sau khi kết hôn hai bên phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết được. Từ khi

kết hôn cho đến nay, ông K và bà T không có quá trình chung sống lâu dài, do xa cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, hai bên chưa có sự gắn kết sâu đậm về tình cảm vợ chồng. Hiện nay ông K và bà T đang sinh sống ở hai nước khác nhau nên khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông K yêu cầu được ly hôn với bà T là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Ông Triệu Lê Trọng K và bà Nguyễn Thị Thanh T có 01 con chung là trẻ Triệu Nguyễn Đan U, sinh ngày 09/6/2014, giới tính: Nữ. Ông K và bà T thỏa thuận giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông K cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 4.000.000 đồng/tháng.

Xét thấy, sự tự nguyện này của ông K và bà T là phù hợp với quy định pháp luật và không thay đổi môi trường sống, ảnh hưởng đến tâm lý của trẻ. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này của ông K và bà T.

Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Không có.

[4] Án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Triệu Lê Trọng K phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí cấp dưỡng nuôi con ông Triệu Lê Trọng K phải chịu theo quy định pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Ông Triệu Lê Trọng K và bà Nguyễn Thị Thanh T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Triệu Lê Trọng K.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Triệu Lê Trọng K được ly hôn bà Nguyễn Thị Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 104/2012, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/10/2012 cho ông Triệu Lê Trọng K và bà Nguyễn Thị Thanh T không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao con chung là trẻ Triệu Nguyễn Đan U, sinh ngày 09/6/2014, giới tính: Nữ cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc nuôi

dưỡng. Ông Triệu Lê Trọng K cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 4.000.000 đồng/tháng đến khi trẻ trưởng thành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Triệu Lê Trọng K chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà ông đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0001581 ngày 21/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí cấp dưỡng cấp: Ông Triệu Lê Trọng K phải chịu 300.000 đồng, thực hiện tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

3. Ông Triệu Lê Trọng K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án. Bà Nguyễn Thị Thanh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND Phường B, quận C, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.(Linh/14b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Thủy Tiên